TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **77/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v tranh chấp:"Không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 399/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 502/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện chung sống vào năm 1995, có tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan

điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Mặt khác anh Th thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn và còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị và anh Th đã sống ly thân được 04 năm, không lần nào hòa giải đoàn tụ.

Nay chị M đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Th là vợ chồng do chung sống không có đăng ký kết hôn.

- Con chung: có 02 cháu là Nguyễn Thị Cúc H, sinh ngày 03/02/1997 và Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 26/02/2004. Nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Do chị bận đi làm nên xin vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn Th đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Th không lần nào đến Tòa án giao nộp chứng cứ nên không có bản khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: chị M và anh Th tự nguyện chung sống vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn Thị Cúc H, sinh ngày 03/02/1997 và Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 26/02/2004. Nay chị M yêu cầu không công nhận chị và anh Th là vợ chồng, các con chung đã trưởng thành nên chị M không yêu cầu giải quyết. Căn cứ điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M có yêu cầu vắng mặt, anh Nguyễn Văn Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

+ Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị M yêu cầu không công nhận là vợ chồng với anh Nguyễn Văn Th. Anh Th đăng ký thường trú tại ấp G, xã P, huyện

N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

+ Quan hệ pháp luật được xác định "Không công nhận là vợ chồng".

+ Tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M, bị đơn là anh Nguyễn Văn Th.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M khai chị chung sống với anh Nguyễn Văn Th vào năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Lời khai của chị M phù hợp với kết quả xác minh ngày 27/01/2023 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đ. Xét thấy việc chị M và anh Th chung sống nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986 nên hôn nhân trên không được xem là hợp pháp. Nay chị M yêu cầu không công nhận chị và anh Th là vợ chồng, anh Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nên không có ý kiến. Xét yêu cầu của chị M là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về con chung: chị M khai chị và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Thị Cúc H, sinh ngày 03/02/1997 và Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 26/02/2004. Xét thấy, các con chung của chị M, anh Th đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Tài sản chung: chị M khai không có nên không xét.

[6]. Nợ chung: chị M khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị M phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 157, 220, 227, 228, 264, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt nam năm 1986; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M về việc "Không công nhận là vợ chồng" đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Th.

1. Xử: Không công nhận chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn Th là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009742 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị M đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã Phước Thiền;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai